

Số: 41/2016/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện
các chương trình mục tiêu quốc gia***Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;**Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 6 năm 2015;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;**Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện
các chương trình mục tiêu quốc gia.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

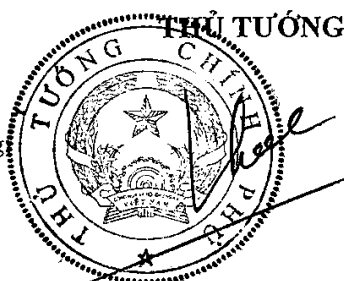
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 11 năm 2016.

Quyết định số 135/2009/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan liên quan ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (3b).

**Nguyễn Xuân Phúc**

QUY CHẾ

Quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 41 /2016/QĐ-TTg
ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về xây dựng kế hoạch; huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn; tổ chức, điều phối; theo dõi, kiểm tra và đánh giá trong quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

1. Phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; trách nhiệm của các bộ, ngành và các cấp ở địa phương; vai trò giám sát của cộng đồng trong quản lý và điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Đảm bảo công khai, minh bạch trong quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; khuyến khích huy động nguồn lực xã hội để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

4. Đảm bảo phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan có liên quan trong quản lý, điều hành thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Phát huy vai trò chủ thể và sự tham gia, đóng góp của cộng đồng dân cư vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Chương II

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Điều 4. Xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm

1. Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương được lập trong thời hạn 5 năm, cùng với kế hoạch phát triển - kinh tế xã hội để tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Căn cứ xây dựng kế hoạch

a) Nghị quyết về chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia của Quốc hội; Quyết định đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia của Thủ tướng Chính phủ.

b) Hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; hướng dẫn xây dựng kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính; hướng dẫn xây dựng nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ chương trình mục tiêu quốc gia của chủ chương trình, cơ quan chủ trì dự án thành phần.

c) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Nội dung kế hoạch

a) Dự kiến mục tiêu, chỉ tiêu trong giai đoạn 5 năm; nhiệm vụ cụ thể theo từng nội dung, dự án thành phần để đạt được mục tiêu.

b) Dự kiến nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, gồm: nguồn ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương và ngân sách địa phương); nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác; nguồn vốn vay; nguồn vốn huy động khác.

c) Giải pháp cụ thể để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, gồm: giải pháp huy động nguồn lực; điều hành, tổ chức thực hiện.

4. Trình tự xây dựng kế hoạch

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính thông báo ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tới các chủ chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan chủ trì dự án thành phần.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được thông báo ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính, chủ chương trình chủ trì phối hợp với cơ quan chủ trì dự án thành phần và các cơ quan có liên quan dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ và phương án phân bổ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp.

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các chủ chương trình thống nhất mục tiêu, chỉ tiêu dự kiến giao cho từng bộ, cơ quan trung ương và các địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan thẩm định phương án phân bổ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ giao mục tiêu, nhiệm vụ và nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ban hành kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia theo nội dung quy định tại khoản 3 Điều này; gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, chủ chương trình mục tiêu quốc gia trước ngày 31 tháng 01 năm đầu của kỳ kế hoạch giai đoạn 5 năm để theo dõi, giám sát.

Điều 5. Lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm

1. Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm của các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương được lập cùng với kế hoạch phát triển - kinh tế xã hội hằng năm để triển khai kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm.

2. Căn cứ lập kế hoạch

a) Kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia (bao gồm kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ; huy động, phân bổ và sử dụng nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác) năm trước.

b) Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các nhiệm vụ cấp bách, đột xuất mới phát sinh đã được cấp có thẩm quyền thông qua nhưng chưa có trong kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm.

c) Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm; hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, lập kế hoạch đầu tư công hằng năm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Bộ Tài chính; hướng dẫn xây dựng nội dung mục tiêu, nhiệm vụ của chủ chương trình, cơ quan chủ trì dự án thành phần thuộc chương trình.

3. Nội dung kế hoạch

a) Đánh giá tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia của năm trước năm kế hoạch.

b) Dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ năm kế hoạch.

c) Dự kiến nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương và ngân sách địa phương); nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác; nguồn vốn vay; nguồn vốn huy động khác.

d) Giải pháp điều hành, tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

4. Trình tự lập kế hoạch

a) Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia dự kiến kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia năm kế hoạch gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, chủ chương trình, cơ quan chủ trì dự án thành phần trước ngày 31 tháng 7 hằng năm.

b) Chủ chương trình chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì dự án thành phần tổng hợp và dự kiến kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên phạm vi toàn quốc gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 8 hằng năm để tổng hợp.

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được số thông báo về ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính, chủ chương trình chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì dự án thành phần dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ và phương án phân bổ chi tiết dự toán ngân sách trung ương năm kế hoạch cho từng bộ, cơ quan trung ương và địa phương gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp.

d) Trước ngày 20 tháng 9 hằng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với chủ chương trình, cơ quan chủ trì dự án thành phần thống nhất mục tiêu, chỉ tiêu giao cho từng bộ, cơ quan trung ương và địa phương; chủ

trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan tổng hợp phương án phân bổ nguồn ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm kế hoạch cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm kế hoạch trình Thủ tướng Chính phủ để báo cáo Quốc hội.

Điều 6. Lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã

1. Nguyên tắc lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã

a) Lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phải gắn với việc lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở cấp xã.

b) Quá trình lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phải có sự tham gia của chính quyền, các tổ chức đoàn thể, người dân hưởng lợi và cộng đồng.

c) Việc lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã phải làm rõ khả năng huy động nguồn vốn thực hiện chương trình gồm: nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền thông báo dự kiến, nguồn vốn huy động từ cộng đồng và các nguồn vốn hợp pháp khác; cơ chế thực hiện; đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện từng nội dung, hoạt động của chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã.

2. Lập, tổng hợp kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã

a) Căn cứ hướng dẫn xây dựng kế hoạch và thông báo dự kiến nguồn vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia của cấp có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp xã giao Ban quản lý chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã; thông báo các nội dung, hoạt động của chương trình mục tiêu quốc gia dự kiến triển khai trên địa bàn xã đến người dân thụ hưởng và cộng đồng.

b) Ban quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia cấp xã xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã. Nội dung của kế hoạch bao gồm: danh mục và nội dung chủ yếu của các hoạt động, công trình, dự án cần thực hiện trong kỳ kế hoạch; đề xuất đơn vị chủ trì thực hiện.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thảo luận lấy ý kiến công khai vào kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã; hoàn thiện kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua và gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét cho ý kiến và tổng hợp.

3. Quy định về trình tự, nội dung lập kế hoạch đầu tư trên địa bàn cấp xã có sự tham gia của cộng đồng thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về phân cấp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã và hướng dẫn lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã.

Điều 7. Giao kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia 5 năm và hằng năm

1. Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Tổng ngân sách trung ương (theo cơ cấu vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp) thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm trước ngày 10 tháng 12 năm cuối kỳ kế hoạch giai đoạn trước.

b) Tổng ngân sách trung ương (theo cơ cấu vốn đầu tư phát triển, kinh phí sự nghiệp) thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia năm kế hoạch trước ngày 20 tháng 11 hằng năm.

2. Thủ tướng Chính phủ ủy quyền

a) Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao các bộ, ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

- Mục tiêu, chỉ tiêu và tổng ngân sách trung ương (theo cơ cấu vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp) thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm trước ngày 20 tháng 12 năm cuối kỳ kế hoạch giai đoạn trước.

- Mục tiêu, chỉ tiêu và tổng ngân sách trung ương (theo cơ cấu đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp) thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia năm kế hoạch chi tiết theo nội dung, dự án thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trước ngày 30 tháng 11 hằng năm.

b) Bộ trưởng Bộ Tài chính giao dự toán ngân sách trung ương thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia năm kế hoạch trước 30 tháng 11 hằng năm.

3. Trước 31 tháng 12 hằng năm, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giao các cơ quan, đơn vị trực thuộc mục tiêu, nhiệm vụ; dự toán ngân sách nhà nước hằng năm chi tiết theo nội dung, dự án thành phần thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia; danh mục dự án đầu tư thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

Chương III

HUY ĐỘNG, PHÂN BỐ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Điều 8. Huy động nguồn vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia

1. Nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, gồm:

- a) Nguồn ngân sách trung ương;
- b) Nguồn ngân sách địa phương;
- c) Nguồn lực huy động hợp pháp từ các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng;
- d) Nguồn vốn tín dụng;
- đ) Nguồn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác.

2. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia chịu trách nhiệm huy động và đảm bảo nguồn lực để hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình được Thủ tướng Chính phủ giao.

a) Đối với các địa phương không được hỗ trợ nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia từ ngân sách trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành Nghị quyết bố trí vốn từ ngân sách địa phương để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương.

b) Đối với các địa phương được hỗ trợ nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia từ ngân sách trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành nghị quyết bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương theo quy định.

c) Đối với nguồn vốn huy động từ cộng đồng dân cư để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phải được thực hiện trên tinh thần tự nguyện, hợp lý, có tính đến đặc điểm kinh tế - xã hội, mức độ khó khăn của từng địa phương; đảm bảo các nguyên tắc công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình theo quy định.

Điều 9. Phân bổ chi tiết kế hoạch, dự toán chi thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm

1. Sau khi được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các cơ quan được giao thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ở các cấp phân bổ chi tiết kế hoạch, dự toán chi thực hiện từng

chương trình mục tiêu quốc gia theo từng nội dung, hoạt động; dự án đầu tư thực hiện chương trình gửi cơ quan tài chính cùng cấp để giám sát, thực hiện; đồng thời, lập báo cáo phân bổ kế hoạch gửi cơ quan cấp trên tổng hợp, giám sát.

2. Các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia tổng hợp và gửi báo cáo phân bổ kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, chủ chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan chủ trì dự án thành phần trước ngày 31 tháng 3 năm kế hoạch.

Điều 10. Sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia

1. Nguyên tắc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia

a) Đảm bảo đúng dự toán ngân sách nhà nước được giao cả về tổng mức, chi tiết theo từng nhiệm vụ, nội dung hoạt động.

b) Cơ chế chi tiêu tài chính phải đảm bảo các yêu cầu theo quy định của Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước, Luật xây dựng, Luật đấu thầu và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

2. Nội dung chi công tác quản lý từ kinh phí được giao thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ở mỗi cấp

a) Kinh phí tổ chức các cuộc họp, hội nghị về lập kế hoạch, triển khai thực hiện chương trình, dự án thành phần; đánh giá, sơ kết, tổng kết chương trình, dự án thành phần và khen thưởng; các hoạt động, dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Xây dựng bộ chỉ số theo dõi kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Cơ quan được giao thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ở các cấp ngân sách chịu trách nhiệm báo cáo cơ quan cấp trên tình hình thực hiện nguồn vốn, kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia cùng thời điểm báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của Quy chế này.

4. Việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

5. Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp; cơ chế thanh toán, quyết toán nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 11. Sử dụng kinh phí được lồng ghép từ các chương trình, dự án khác để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia

1. Các cấp được giao thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác có cùng nội dung, nhiệm vụ với chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Cơ chế thanh toán, quyết toán nguồn vốn đối với các nội dung, nhiệm vụ được lồng ghép thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của từng chương trình, dự án hoặc thống nhất áp dụng theo quy định của chương trình mục tiêu quốc gia hoặc theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phù hợp với cơ chế quản lý của chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế của các chương trình, dự án được lồng ghép.

3. Căn cứ vào đặc thù của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định và hướng dẫn việc lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác ở mỗi cấp để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 12. Sử dụng nguồn vốn huy động khác thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia

1. Nguồn vốn huy động hợp pháp từ các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng thực hiện phân bổ, sử dụng theo quy định của từng địa phương, không trái với các quy định về phân bổ nguồn vốn tại Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quy chế sử dụng nguồn vốn huy động khác thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương trên cơ sở đảm bảo có sự tham gia, giám sát của người dân, của nhà tài trợ; quy trình sử dụng, thủ tục thanh toán đơn giản.

3. Cơ chế thanh toán, quyết toán các nội dung, hoạt động, dự án đầu tư sử dụng cả nguồn lực ngân sách nhà nước và nguồn lực huy động khác thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính (đối với nguồn ngân sách nhà nước) và quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với nguồn vốn huy động).

4. Đối với nguồn vốn tín dụng phân bổ sử dụng theo quy định của từng chính sách tín dụng và các quy định của pháp luật về hoạt động tín dụng ngân hàng.

Chương IV
TỔ CHỨC, ĐIỀU PHỐI THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Điều 13. Tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia

1. Thống nhất trong quản lý, điều hành về chương trình mục tiêu quốc gia ở trung ương và địa phương

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quản lý, tổng hợp chung các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của Luật đầu tư công.

Sở Kế hoạch và Đầu tư giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều phối và tổng hợp nội dung liên quan đến các chương trình mục tiêu quốc gia theo chức năng, nhiệm vụ.

b) Chủ chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan chủ trì dự án thành phần thuộc chương trình giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quản lý, điều hành chương trình mục tiêu quốc gia theo ngành, lĩnh vực.

Các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều hành, tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương.

2. Thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia

a) Cấp Trung ương: Thủ tướng Chính phủ thành lập một Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia do một Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban, giúp Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, chỉ đạo, phối hợp giải quyết những công việc liên quan đến quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương do Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương quyết định.

b) Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập một Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm Trưởng ban, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, phối hợp giải quyết những công việc liên quan đến quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh do Trưởng Ban Chỉ đạo cấp tỉnh quyết định.

c) Cấp huyện: Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện.

d) Cấp xã: Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập một Ban quản lý cấp xã, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm Trưởng Ban, để tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn xã. Thành viên Ban quản lý cấp xã bao gồm: cán bộ chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức đoàn thể và đại diện cộng đồng dân cư.

đ) Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp do ngân sách nhà nước bảo đảm và được bố trí trong kinh phí thường xuyên của các cơ quan, đơn vị.

3. Cơ quan giúp việc cho Ban Chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia

a) Cấp Trung ương: Văn phòng thường trực chương trình đặt tại cơ quan chủ chương trình mục tiêu quốc gia giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương và trực tiếp giúp việc cho Thủ trưởng cơ quan chủ chương trình trong quản lý, tổ chức thực hiện chương trình trên phạm vi cả nước.

b) Cấp địa phương: Trong trường hợp cần thiết, thành lập:

- Văn phòng thường trực chương trình cấp tỉnh đặt tại sở chuyên ngành hoặc tại sở, ban, ngành có liên quan được giao quản lý chương trình mục tiêu quốc gia để tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan này trong quản lý, tổ chức thực hiện chương trình trên phạm vi địa phương, kiêm giúp việc cho Ban Chỉ đạo cấp tỉnh trong quá trình thực hiện chương trình.

- Văn phòng chương trình cấp huyện đặt tại phòng chuyên ngành được giao thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia để tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan này trong quản lý, tổ chức thực hiện chương trình trên phạm vi cấp huyện.

c) Việc thành lập văn phòng không làm phát sinh biên chế và kinh phí thường xuyên của cơ quan.

d) Kinh phí hoạt động của các văn phòng thường trực do ngân sách nhà nước đảm bảo và được bố trí trong kinh phí thường xuyên của các cơ quan, đơn vị.

Điều 14. Phối hợp trong quản lý, điều hành chương trình mục tiêu quốc gia

1. Phối hợp trong xây dựng các quy định, các văn bản về quản lý, điều hành, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan tham mưu, kiến nghị các chính sách quản lý, điều hành chung các chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Chủ chương trình, cơ quan chủ trì dự án thành phần chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan tham mưu, kiến nghị các chính sách điều hành, tổ chức thực hiện từng chương trình, dự án thành phần thuộc chương trình.

c) Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phối hợp với chủ chương trình, cơ quan chủ trì dự án thành phần, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trong xây dựng các quy định, các văn bản về quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý.

2. Phối hợp trong xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng kế hoạch; tổng hợp kế hoạch thực hiện các chương trình trình cấp có thẩm quyền quyết định.

b) Bộ Tài chính tổng hợp dự kiến ngân sách trung ương thực hiện chương trình vào kế hoạch ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

c) Chủ chương trình chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì dự án thành phần hướng dẫn xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung từng chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm, hằng năm; tổng hợp kế hoạch thực hiện chương trình trong giai đoạn 5 năm và hằng năm.

d) Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương xây dựng kế hoạch mục tiêu, nhiệm vụ và nguồn vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm, hằng năm thuộc lĩnh vực được phân công theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Quy chế này.

3. Phối hợp trong xây dựng hệ thống thông tin và trao đổi thông tin về chương trình mục tiêu quốc gia

Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng hệ thống thông tin và thực hiện trao đổi thông tin về quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Điều 16, Điều 18 Quy chế này.

4. Phối hợp trong xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến cơ chế quản lý, điều hành chung các chương trình mục tiêu quốc gia; các vấn đề phát sinh có tính chất liên ngành, liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị.

b) Chủ chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan chủ trì dự án thành phần thuộc chương trình chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan xử lý các vấn đề liên quan đến quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia theo ngành, lĩnh vực.

c) Trường hợp vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền, cơ quan chủ trì xử lý tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

5. Phối hợp thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát chương trình mục tiêu quốc gia

Trường hợp tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát có tính chất liên ngành, cơ quan chủ trì việc kiểm tra, giám sát chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch; tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý, điều hành, thực hiện chương trình.

Điều 15. Công khai thông tin chương trình mục tiêu quốc gia

1. Chủ chương trình, cơ quan chủ trì dự án thành phần và các bộ, cơ quan trung ương, địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia có trách nhiệm công khai thông tin về chương trình mục tiêu quốc gia theo chức năng, nhiệm vụ.

2. Nội dung công khai thông tin chương trình mục tiêu quốc gia

a) Các văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Quyết định đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia trong từng giai đoạn.

c) Tiêu chí, định mức phân bổ kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia.

d) Các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện chương trình giai đoạn 5 năm và hằng năm ở mỗi cấp.

đ) Báo cáo kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia và Báo cáo tài chính theo quy định (trong đó phải bao gồm: báo cáo quyết toán sử dụng các nguồn vốn; khối lượng thực hiện và kết quả giải ngân các dự án đầu tư).

e) Báo cáo giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia, dự án thuộc chương trình.

g) Kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm, các vụ tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức tham gia quản lý, điều hành và thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

h) Các ý kiến phản hồi từ nhân dân và kết quả xử lý ý kiến phản hồi.

3. Hình thức công khai thông tin

Thông tin về chương trình mục tiêu quốc gia tại khoản 2 Điều này được công khai thông qua bằng một hoặc một số hình thức:

- a) Phát hành văn bản đến các cơ quan liên quan.
- b) Đăng trên cổng thông tin điện tử của các cơ quan liên quan.
- c) Thông báo trên phương tiện đại chúng.

4. Thời điểm công khai thông tin

Thông tin về chương trình mục tiêu quốc gia tại khoản 2 Điều này được công khai chậm nhất 30 ngày làm việc kể từ ngày được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Kinh phí duy trì thông tin công khai về chương trình mục tiêu quốc gia được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

Chương V **THEO DÕI, KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ** **CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**

Điều 16. Theo dõi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

1. Hệ thống theo dõi thực hiện chương trình gồm bộ chỉ số phản ánh kết quả đầu ra; các mẫu báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và các nguồn vốn huy động thực hiện chương trình.

2. Bộ chỉ số theo dõi thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia

a) Chủ chương trình mục tiêu quốc gia chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì dự án thành phần xây dựng bộ chỉ số đầu ra của chương trình mục tiêu quốc gia, dự án thành phần thuộc chương trình; hướng dẫn thu thập thông tin vào bộ chỉ số đầu ra của chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Chủ chương trình giám sát các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện thu thập thông tin vào bộ chỉ số theo dõi thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia; tổng hợp, hoàn chỉnh bộ chỉ số quốc gia theo dõi thực hiện chương trình trên phạm vi cả nước.

c) Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia cập nhật bộ chỉ số theo dõi thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia thuộc ngành, lĩnh vực và trên phạm vi địa bàn.

3. Báo cáo theo dõi chương trình mục tiêu quốc gia

a) Báo cáo kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia

Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng và gửi kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm và hằng năm theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Quy chế này.

b) Báo cáo kết quả phân bổ và sử dụng nguồn vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia

Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia lập Báo cáo kết quả phân bổ và sử dụng nguồn vốn thực hiện chương trình hằng năm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, chủ chương trình trước ngày 31 tháng 3 hằng năm.

c) Báo cáo kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm:

- Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia lập và gửi Báo cáo kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, chủ chương trình và cơ quan chủ trì dự án thành phần trước ngày 20 tháng 7 cùng năm đối với báo cáo 6 tháng; trước ngày 31 tháng 3 năm kế hoạch đối với báo cáo năm.

- Chủ chương trình mục tiêu quốc gia chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì dự án thành phần lập và gửi Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 8 cùng năm đối với báo cáo 6 tháng; trước ngày 30 tháng 4 năm kế hoạch đối với báo cáo năm.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan tổng hợp Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia cả nước trình Chính phủ báo cáo Quốc hội vào kỳ họp Quốc hội cuối năm.

Điều 17. Kiểm tra chương trình mục tiêu quốc gia

1. Chủ chương trình, cơ quan chủ trì dự án thành phần và các cơ quan có thẩm quyền quản lý chương trình mục tiêu quốc gia kiểm tra toàn bộ quá trình thực hiện chương trình theo chức năng, nhiệm vụ.

2. Nội dung kiểm tra chương trình

a) Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về chương trình mục tiêu quốc gia từ xây dựng chương trình; việc lập và giao kế hoạch thực hiện chương trình; công tác giám sát, đánh giá chương trình tại các cấp.

b) Tình hình thực hiện kế hoạch chương trình mục tiêu quốc gia: kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ; kết quả sử dụng nguồn vốn, tình hình giải ngân các nguồn vốn, nợ đọng xây dựng cơ bản; công tác quản lý và sử dụng các nguồn vốn.

c) Công tác tổ chức, điều phối thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 18. Đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia

1. Đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia bao gồm đánh giá giữa kỳ; đánh giá kết thúc và đánh giá tác động; đánh giá đột xuất tình hình thực hiện chương trình.

2. Nội dung đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia

a) Đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện chương trình bao gồm:

- Sự phù hợp của kết quả thực hiện chương trình so với mục tiêu chương trình.

- Mức độ hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ chương trình đến thời điểm đánh giá so với kế hoạch được phê duyệt.

- Tình hình huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn thực hiện chương trình.

- Đề xuất các giải pháp cần thiết để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình trong giai đoạn (bao gồm cả đề xuất điều chỉnh chương trình khi cần thiết).

b) Đánh giá kết thúc và đánh giá tác động chương trình bao gồm:

- Đánh giá hoạt động quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện chương trình; đánh giá công tác điều phối, phối hợp và trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong quá trình quản lý, điều hành tổ chức thực hiện chương trình.

- Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể của chương trình.

- Đánh giá kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn thực hiện chương trình.

- Đánh giá tác động của chương trình gồm: Tác động kinh tế - xã hội; tính bền vững của chương trình; tác động tới các đối tượng thụ hưởng chương trình.

- Bài học rút ra sau quá trình thực hiện chương trình và đề xuất khuyến nghị cần thiết để duy trì kết quả đã đạt được của chương trình.

c) Đánh giá đột xuất tình hình thực hiện chương trình khi có phát sinh những vấn đề ngoài dự kiến hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Nội dung đánh giá bao gồm:

- Nội dung quy định tại tiết a khoản 2 Điều này.

- Xác định những phát sinh ngoài dự kiến (nếu có), nguyên nhân phát sinh ngoài dự kiến và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; ảnh hưởng của những phát sinh đến việc thực hiện chương trình, khả năng hoàn thành mục tiêu của chương trình.

3. Tổ chức đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia

a) Chủ chương trình, cơ quan chủ trì dự án thành phần thuộc chương trình chịu trách nhiệm tổ chức đánh giá chương trình theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều này gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan tổng hợp Báo cáo đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia giữa kỳ, kết thúc giai đoạn trình Chính phủ báo cáo Quốc hội theo quy định.

Điều 19. Giám sát cộng đồng đối với việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia

1. Các chương trình mục tiêu quốc gia chịu sự giám sát của cộng đồng. Cơ chế giám sát cộng đồng thực hiện theo hướng dẫn của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp.

2. Nội dung giám sát tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia của cộng đồng

a) Việc chấp hành các quy định pháp luật về quản lý, điều hành các chương trình mục tiêu quốc gia; các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn đầu tư, quản lý ngân sách nhà nước.

b) Các dự án đầu tư thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia sử dụng một phần vốn đóng góp của người dân, vốn huy động khác tại địa phương.

c) Tình hình triển khai và tiến độ thực hiện các nội dung, hoạt động và nhiệm vụ của từng chương trình mục tiêu quốc gia.

d) Việc thực hiện công khai, minh bạch trong đầu tư công, trong quản lý ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 14 Luật đầu tư công và Điều 15 Luật ngân sách nhà nước.

đ) Phát hiện những việc làm xâm hại đến lợi ích của cộng đồng; những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng; những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản của chương trình.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN TRONG QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Điều 20. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Trình ban hành các quy định về quản lý và điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; ban hành theo thẩm quyền văn bản hướng dẫn thực hiện quản lý và điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Đề xuất mức cân đối nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm và hằng năm (bao gồm cả vốn đầu tư và kinh phí sự nghiệp).

3. Chủ trì giao mục tiêu, nhiệm vụ và nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia trong giai đoạn 5 năm và hằng năm cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

4. Ban hành các văn bản hướng dẫn các chủ chương trình mục tiêu quốc gia, các cơ quan thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng kế hoạch thực hiện, báo cáo kết quả huy động nguồn lực, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm, giữa kỳ và giai đoạn 5 năm.

5. Tham gia với các chủ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn của các chương trình.

6. Hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư trên địa bàn cấp xã có sự tham gia của cộng đồng vào thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

7. Kiểm tra định kỳ và đột xuất việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia theo nội dung quy định tại Điều 17 Quy chế này.

8. Chủ trì tổng hợp Báo cáo kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm, giữa kỳ, kết thúc giai đoạn hoặc đột xuất theo nội dung quy định tại Điều 16, Điều 18 Quy chế này.

9. Chủ trì tổng hợp và đề xuất phương án xử lý các vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền trong quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 21. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Ban hành văn bản hướng dẫn việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp; cơ chế thanh toán, quyết toán nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Đề xuất mức bố trí ngân sách Trung ương nguồn kinh phí sự nghiệp cho giai đoạn 5 năm và hằng năm cho từng chương trình mục tiêu quốc gia gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp thông báo.

3. Chủ trì giao dự toán ngân sách trung ương năm kế hoạch thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện.

4. Tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất tình hình sử dụng kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia của các bộ, ngành, cơ quan trung ương và địa phương.

5. Theo dõi, tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả giải ngân nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; đồng thời, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, chủ chương trình để tổng hợp.

6. Tổng hợp quyết toán kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia báo cáo cấp có thẩm quyền.

7. Tham gia với các chủ chương trình mục tiêu quốc gia trong xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn chương trình.

8. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp Báo cáo kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm, giữa kỳ, kết thúc giai đoạn hoặc đột xuất theo nội dung quy định tại Điều 16, Điều 18 Quy chế này.

Điều 22. Trách nhiệm của cơ quan chủ chương trình mục tiêu quốc gia

1. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn, kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương theo từng hoạt động của chương trình mục tiêu quốc gia; tỷ lệ đối ứng từ ngân sách địa phương tham gia thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định.

2. Hướng dẫn các địa phương xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ đối với nguồn vốn cân đối từ ngân sách địa phương.

3. Lập kế hoạch thực hiện, kế hoạch ngân sách và đề xuất các giải pháp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm và hằng năm, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp.

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính dự kiến phương án phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm và hằng năm thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia cho các bộ, cơ quan thực hiện chương trình.

5. Chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí phân trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ của chương trình mục tiêu quốc gia đúng mục đích, có hiệu quả, không để thất thoát; quyết toán phần kinh phí này theo quy định.

6. Xây dựng chính sách, hướng dẫn nghiệp vụ và triển khai các hoạt động của chương trình cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện chương trình.

7. Chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì dự án thành phần và các cơ quan liên quan xây dựng bộ chỉ số theo dõi chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Quy chế này.

8. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra định kỳ và đột xuất việc thực hiện chương mục tiêu quốc gia ở trung ương và các địa phương theo nội dung quy định tại Điều 17 Quy chế này.

9. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 16, Điều 18 Quy chế này.

Điều 23. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì dự án thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia

1. Trường hợp cơ quan chủ trì dự án thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia không phải là chủ chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan chủ trì dự án thành phần có trách nhiệm:

a) Trong trường hợp cần thiết, được thành lập Ban quản lý dự án để giúp Thủ trưởng cơ quan chủ trì dự án thành phần tổ chức thực hiện nhưng không làm phát sinh biên chế và kinh phí quản lý; giải thể Ban quản lý dự án khi dự án kết thúc. Kinh phí hoạt động của Ban quản lý dự án được bố trí trong kinh phí chi thường xuyên của cơ quan chủ trì dự án thành phần.

b) Lập kế hoạch thực hiện và đề xuất giải pháp thực hiện dự án thành phần trong kế hoạch giai đoạn 5 năm và hằng năm gửi chủ chương trình để tổng hợp vào kế hoạch chung.

c) Chủ trì, phối hợp với chủ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng cơ chế, chính sách và hướng dẫn nghiệp vụ triển khai hoạt động của dự án thành phần cho các cơ quan thực hiện.

d) Chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí phần trực tiếp thực hiện nhiệm vụ của dự án đúng mục đích, có hiệu quả, không để thất thoát; quyết toán kinh phí này theo quy định.

đ) Chủ trì, phối hợp với chủ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng hệ thống chỉ số theo dõi dự án thành phần theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Quy chế này.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra định kỳ và đột xuất việc thực hiện dự án thành phần đúng định hướng, mục tiêu và hiệu quả đối với các cơ quan thực hiện (ở trung ương và các địa phương) theo nội dung quy định tại Điều 17 Quy chế này.

g) Chủ trì, phối hợp với chủ chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 16, Điều 18 Quy chế này.

2. Trường hợp dự án thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia do chủ chương trình mục tiêu quốc gia quản lý, chủ chương trình mục tiêu quốc gia có thể giao đơn vị trực thuộc có chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành tổ chức quản lý, điều hành theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 24. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia

1. Căn cứ vào hướng dẫn của chủ chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan chủ trì dự án thành phần, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, cơ quan thực hiện chương trình ở trung ương xây dựng kế hoạch hoạt động, đề xuất nhu cầu kinh phí giai đoạn 5 năm và hằng năm thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động, dự án thành phần gửi chủ chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan chủ trì dự án thành phần.

2. Chịu trách nhiệm triển khai kế hoạch theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ các hoạt động, dự án được giao.

3. Chịu trách nhiệm sử dụng kinh phí của chương trình mục tiêu quốc gia đúng mục đích, có hiệu quả; thanh toán, quyết toán theo đúng quy định.

4. Ngoài nguồn kinh phí được giao, được phép huy động các nguồn lực hợp pháp khác để bổ sung thực hiện các hoạt động, dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia. Báo cáo mức bổ sung kinh phí (nếu có) cho chủ chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 16, Điều 18 Quy chế này.

Điều 25. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Quy định cụ thể về cơ chế phân cấp quản lý thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cho các ngành, các cấp phù hợp với điều kiện của địa phương, phù hợp với quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương.

2. Phê duyệt kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm trên phạm vi địa phương.

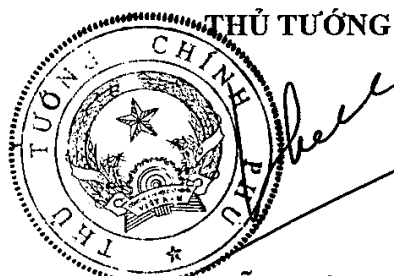
3. Bố trí cân đối nguồn vốn từ ngân sách địa phương, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

4. Xây dựng các giải pháp huy động các nguồn lực của địa phương; Ban hành quy chế sử dụng nguồn vốn huy động khác tại địa phương.

5. Chỉ đạo thực hiện; tổ chức theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

6. Chịu trách nhiệm sử dụng kinh phí của các chương trình mục tiêu quốc gia theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao trên địa bàn có hiệu quả, không để thất thoát; đảm bảo việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình mục tiêu quốc gia phù hợp với các tiêu chuẩn, định mức phân bổ vốn theo quy định; chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện thanh toán, quyết toán theo quy định về tài chính hiện hành.

7. Thực hiện chế độ báo cáo, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 3 Điều 16, Điều 18 Quy chế này./.



Nguyễn Xuân Phúc